

Số: 33/2019/QĐST- HNGĐ

Yên Mô, ngày 15 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 35/2019/TLST/HNGĐ ngày 17/4/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Tổng Thị Đ, sinh năm 1989.

HKTT: Xóm H, Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Thôn Đ, xã H, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Tạ Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm H, Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ các Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tổng Thị Đ và anh Tạ Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao cháu Tạ Văn P , sinh ngày 05/3/2011 cho chị Tổng Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Văn P đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Tạ Văn P được chung sống với chị Đ. Anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Đ và các

thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung và công nợ: Chị Tống Thị Đ và anh Tạ Văn T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ tài sản gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Tống Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002105 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Hoàn trả cho chị Đ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện Yên Mô;
- CCTHADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Thị Hoa